Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)
Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☑
Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán ứng dụng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Hải Yến
2. Ngày tháng năm sinh: 17/08/1987; Nam ☐; Nữ ☑; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐
4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Thị trấn Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Tổ dân phố Viên 2, Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Viện Toán học, 18B Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0786662296;
E-mail: lhyen@math.ac.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
Từ 09/2018 đến 08/2019: Nghiên cứu viên sau Tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán
Chức vụ hiện nay: Nghiên cứu viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Nghiên cứu viên chính
Cơ quan công tác hiện nay: Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
Địa chỉ cơ quan: 18B Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại cơ quan: 02437563474
Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH), Học viện Khoa học và Công nghệ (VHLKHCNVN).
8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...
Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):
Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):
9. Trình độ đào tạo:
- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 11 tháng 06 năm 2008, số văn bằng: A0168244, ngành: Sư phạm, chuyên ngành: Sư phạm Toán học

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Sư Phạm Hà Nội

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 17 tháng 11 năm 2010, số văn bằng: TOULIII8545106/20102000901922, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán ứng dụng

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Toulouse III, Pháp

- Được cấp bằng TS [5] ngày 04 tháng 10 năm 2013, số văn bằng: TOULIII9981808/2013201200269, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán ứng dụng

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Toulouse III, Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Tối ưu ma trận
- Thuật toán giải bài toán chấp nhận tách
- Thuật toán giải bài toán cân bằng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 4 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 15 bài báo khoa học, trong đó 15 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Chấp hành tốt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm 0 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019			1			112.5	112.5/182.5/135
2	2020-2021					36	120	156/189/135
3	2021-2022					56	90	146/174/135
03 năm học cuối								
4	2022-2023			1		142	134	276/387/135
5	2023-2024					160	135	295/315/135
6	2024-2025			2		88	45	133/315/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☑:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm
- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Pháp năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☑:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có
		NCS	HVCH/CK	Chính	Phụ			

			2/BSNT					quyết định cấp bằng
1	Đoàn Thị Như Xuân		X	X		09/2018 đến 03/2019	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	19/11/2019
2	Nguyễn Khánh Huyền		X	X		04/2022 đến 10/2022	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	20/03/2023
3	Trần Thị Thanh Tươi		X	X		04/2024 đến 10/2024	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	09/01/2025
4	Vũ Việt Hoàng		X	X		04/2024 đến 10/2024	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	09/01/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Bài toán chấp nhận tách với ràng buộc cân bằng	CN	22a/VTH.10, cấp Cơ sở	02/02/2015 đến 30/11/2015	Ngày 30/11/2015, Đạt
2	Bài toán chấp nhận tách phi tuyến	CN	20b/VTH.2, cấp Cơ sở	02/02/2016 đến 22/11/2016	Ngày 22/11/2016, Đạt
3	Thuật toán bình phương tối thiểu luân phiên cho bài toán khôi phục ma trận	CN	230/VTH.10, cấp Cơ sở	24/08/2022 đến 19/12/2022	Ngày 19/12/2022, Đạt
4	Một số lớp bài toán tối ưu không lồi	CN	IM-VAST01_2021.01, cấp Cơ sở	26/02/2021 đến 28/02/2023	Ngày 02/03/2023, Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Convexifying the counting function on R^p for convexifying the rank function on Mm,n(R)	1	Có	Journal of Convex Analysis	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE *IF: 0.6*	2	19, 2, 519--524	06/2012
2	Convexifying the set of matrices of	2	Có	Optimization Letters	Tạp chí quốc tế uy	5	6, 841–849	06/2012

	bounded rank: applications to the quasiconvexification and convexification of the rank function				tín - SCIE *IF: 1,3*			
3	Generalized subdifferentials of the rank function	1	Có	Optimization Letters	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE *IF: 1,3*	11	7, 731–743	04/2013
4	A variational approach of the rank function	2	Có	TOP	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE *IF: 1,5*	8	21, 207–240	07/2013
5	From Eckart-Young approximation to Moreau envelopes and vice versa	2	Có	RAIRO - Operations Research	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE *IF: 1,8*	2	47, 299–310	07/2013
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
6	The Viscosity Subdifferential of the Rank Function via the Corresponding Subdifferential of its Moreau Envelopes	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus *IF: 0,3*		40, 735–746	12/2015
7	An algorithm for a class of split feasibility problems: application to a model in electricity production	3	Có	Mathematical Methods of Operations Research	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE *IF: 0,9*	27	84, 3, 549–565	12/2016
8	A subgradient algorithm for a class of nonlinear split feasibility problems: application to	3	Có	Journal of Global Optimization	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của	13	73, 4, 849–868	04/2019

	jointly constrained Nash equilibrium models				HDGSNN Ngành Toán năm 2025) - SCIE *IF: 1,3*			
9	Stability analysis of linear polytopic descriptor systems using a novel copositive matrix approach	2	Có	IEEE Transaction on Automatic Control	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán năm 2025) - SCIE *IF: 6,2*		64, 11, 4684-4690	11/2019
10	A subgradient method for equilibrium problems involving quasiconvex bifunctions	2	Có	Operations Research Letter	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE *IF: 0,8*	2	48, 5, 579–583	09/2020
11	A normal-subgradient algorithm for fixed point problems and quasiconvex equilibrium problems	2	Có	Applied Set-Valued Analysis and Optimization	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus		2, 3, 329-337	12/2020
12	A parallel subgradient projection algorithm for quasiconvex equilibrium problems under the intersection of convex sets	2	Có	Optimization	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE *IF: 1,6*	3	71, 15, 4447-4462	12/2022
13	An extragradient projection method for strongly quasiconvex equilibrium	3	Không	Computational and Applied Mathematics	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE *IF: 2,5*	1	43, 3, 128	04/2024

	problems with applications							
14	A Two-Step Proximal Point Algorithm for Nonconvex Equilibrium Problems with Applications to Fractional Programming	4	Không	Journal of Global Optimization	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán năm 2025) - SCIE *IF: 1,3*		90, 3, 755–779	12/2024
15	An extragradient algorithm for quasiconvex equilibrium problems without monotonicity	2	Có	Journal of Global Optimization	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán năm 2025) - SCIE *IF: 1,3*		online first, DOI 10.1007/, s10898-023-01291-y	07/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 8 ([6] [7] [8] [9] [10] [11] [12] [15])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 0 / []

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):
- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Hải Yến